

Bản án số: 792/2017/DS-PT  
Ngày: 05-9-2017  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Thương

*Các Thẩm phán:* Ông Đào Quốc Thịnh

Bà Mai Thị Thanh Tú

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Phan Duy Thịnh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân:* Bà Trần Đoàn Bích Trâm – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2017/TLPT-DS ngày 21/3/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1961/2017/QĐPT-DS ngày 25 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Chí Th**, sinh năm 1985, địa chỉ: 205/28A Thoại Ngọc Hầu, phường PT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thế P**, sinh năm 1980, địa chỉ: 29/24/12 đường số 18, phường TQ, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh (được ủy quyền theo giấy ủy quyền lập ngày 26/5/2017, số công chứng: 00015102, quyển số 05 tại Văn Phòng Công chứng ĐS – Số 277 Minh Phụng, Phường H, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Vũ Tr**, sinh năm 1978

Bà **Trịnh Thị L**, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Công ty TNHH SD, công viên lịch sử VHDT, khu phố Thái Bình 1, phường LB, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Tr và bà L: Ông **Lê Trung P**, sinh năm 1985, địa chỉ: Số 54 Đường C12, Phường MB, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh (được ủy quyền theo giấy ủy quyền lập ngày 29/8/2017, số công chứng: 008377, quyền số 08/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn Phòng Công chứng VA – Số 499 Kinh Dương Vương, phường AL, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Nguyễn T**, sinh năm 1961; Địa chỉ: 61 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường MB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- **Văn phòng Công chứng BT, Thành phố Hồ Chí Minh**; Địa chỉ: 164 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 21, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc Th (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Trịnh Thị L và ông Nguyễn Vũ Tr, là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/7/2014, ông Nguyễn Chí Th có cho vợ chồng bà Trịnh Thị L và ông Nguyễn Vũ Tr vay số tiền 15.150.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền số 8385 lập ngày 05/7/2014 tại Văn phòng Công chứng BT, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 03 tháng tính từ ngày ký hợp đồng, cho vay không thế chấp.

Ông Nguyễn Vũ Tr và bà Trịnh Thị L đã nhận tiền theo giấy nhận tiền lập ngày 03/7/2014. Cùng ngày 03/7/2014, ông Nguyễn Vũ Tr và bà Trịnh Thị L có ký giấy cam kết trả số nợ trên như sau: Đợt 1 ngày 03/8/2014 trả 3.000.000.000 đồng; Đợt 2 ngày 03/10/2014 trả 12.150.000.000 đồng và tiền lãi 909.000.000 đồng.

Nhưng từ khi vay, ông Tr và bà L chỉ trả một phần tiền nợ gốc 3.000.000.000 đồng và chưa trả khoản tiền lãi nào. Số tiền nợ gốc còn lại 12.150.000.000 đồng và tiền lãi cho đến nay ông Tr và bà L không trả.

Nay ông Nguyễn Chí Th khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Vũ Tr và bà Trịnh Thị L phải trả số tiền nợ gốc 12.150.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 1%/tháng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Trịnh Thị L trình bày:

Vào tháng 6/2013, vợ chồng bà có vay của ông Nguyễn T (là chủ tịch công ty TT) số tiền 31.500.000.000 đồng, tiền lãi trong 10 ngày vay là 1.800.000.000 đồng. Tổng cộng nợ là 33.300.000.000 đồng và lãi suất tính là

0.4%/ngày cho 20 ngày đến ngày 18/7/2013 là 2.700.000.000 đồng. Do trực trặc làm ăn nên thời gian vay kéo dài đến 11,5 tháng và ông Nguyễn T tính lãi lại là 3%/tháng x 11,5 tháng = 11.488.500.000 đồng. Đến ngày 03/7/2014 thì tiền nợ gốc và tiền lãi là 47.488.500.000 đồng. Sau đó vợ chồng bà đã vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh 3 trả cho ông Nguyễn T số tiền 25.000.000.000 đồng, số nợ còn lại là 15.153.000.000 đồng.

Khi chốt số tiền nợ còn lại là 15.153.000.000 đồng thì ông Nguyễn T yêu cầu vợ chồng bà L, ông Tr ký lại hợp đồng vay tiền đề ngày 03/7/2014 với số tiền làm tròn là 15.150.000.000 đồng.

Đối với hợp đồng vay tiền lập ngày 03/7/2014 có công chứng tại Văn phòng công chứng BT, giấy nhận tiền và giấy cam kết trả nợ cùng lập ngày 03/7/2014, bà L và ông Tr xác định chữ ký và chữ viết họ tên là của vợ chồng là Lan, ông Tr nhưng bà L và ông Tr chỉ giữ được hợp đồng vay do ông Nguyễn T ký thay ông Th. Bà L và ông Tr không ký vay của ông Nguyễn Chí Th mà chỉ ký vay của ông Nguyễn T, theo bà L và ông Tr thì ông Nguyễn Chí Th là nhân viên của ông Nguyễn T nên đứng tên ký dùm cho ông Nguyễn T.

Đối với hợp đồng vay tiền trên, bị đơn đã trả được 3.000.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 12.150.000.000 đồng, bị đơn chỉ đồng ý trả cho ông Nguyễn Chí Th (đại diện công ty TT) số tiền 5.000.000.000 đồng, thời gian trả là 6 tháng kể từ ngày được chấp thuận.

Bị đơn ông Nguyễn Vũ Tr thống nhất với lời trình bày của bà L, không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T trình bày:

Vào năm 2013, ông T có cho vợ chồng bà L, ông Tr vay số tiền 33.300.000.000 đồng để mua nhà, thỏa thuận khi nào bà L, ông Tr làm thủ tục nhận chuyển nhượng sẽ thế chấp Ngân hàng trả lại số tiền vay. Nhưng quá thời gian thấy vợ chồng bà L, ông Tr né tránh nên ông T yêu cầu bà L, ông Tr trả dứt số nợ trên. Do không có tiền để trả nên vợ chồng bà L, ông Tr đã nhờ ông T giới thiệu người cho vay tiền. Ông T đã giới thiệu ông Nguyễn Chí Th cho bà L, ông Tr. Hai bên thỏa thuận vay là 15.150.000.000 đồng.

Khi ông Th đem hợp đồng vay tiền và giấy biên nhận tiền đến nhưng chờ vợ chồng ông Tr, bà L lâu nên ông Th đã nhờ ông T đưa hợp đồng vay và giấy biên nhận cho vợ chồng ông Tr, bà L ký và để ông Th tin tưởng thì ông T và vợ chồng ông Tr, bà L thống nhất để ông T ký thay vào bên cho vay. Sau khi giao tiền cho vợ chồng ông Tr và bà L, ông Th yêu cầu ông Tr, bà L ra phòng công chứng ký hợp đồng vay vì ông Tr, bà L đã vay tiền của ông Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng BT, có người đại diện hợp pháp trình bày:

Vào ngày 03/7/2014, Văn phòng công chứng BT có nhận được yêu cầu công chứng hợp đồng vay tiền với yêu cầu công chứng ngoài trụ sở, giữa bên cho vay là ông Nguyễn Chí Th và bên vay là ông Nguyễn Vũ Tr, bà Trịnh Thị L.

Theo yêu cầu trên, công chứng viên có mặt tại địa chỉ 378 Điện Biên Phủ, Phường MB, quận BT để chứng nhận hợp đồng vay tiền. Tại thời điểm chứng nhận hợp đồng vay tại địa chỉ 378 Điện Biên Phủ, Phường MB, quận BT, bên cho vay là ông Nguyễn Chí Th không có mặt, bên vay là ông Tr, bà L đề nghị được ký vào hợp đồng vay tiền ngày 03/7/2014. Ngày 05/7/2014, ông Nguyễn Chí Th đến trụ sở Văn phòng công chứng BT ký vào hợp đồng vay tiền. Sau khi các bên đã ký vào hợp đồng vay tiền, ngày 05/7/2014 công chứng viên tiến hành chứng nhận vào hợp đồng, việc giao nhận tiền được thực hiện và ngoài sự chứng kiến của công chứng viên. Hợp đồng vay tiền trên được chứng nhận đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DSST ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận C đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là ông Nguyễn Chí Th.

Ông Nguyễn Vũ Tr và bà Trịnh Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Chí Th số tiền nợ gốc 12.150.000.000 đồng và tiền lãi 2.824.875.000 đồng, tổng cộng là 14.974.875.000 (mười bốn tỷ chín trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng ngay sau khi án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết các khoản tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án trên khoản tiền chưa thi hành án.

2. Án phí: Bà Trịnh Thị L và ông Nguyễn Vũ Tr phải liên đới nộp 122.974.875 (một trăm hai mươi hai triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm bảy mươi lăm) đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Chí Th không phải chịu án phí. Hoàn lại cho ông Nguyễn Chí Th 61.319.250 (sáu mươi một triệu ba trăm mười chín nghìn hai trăm năm mươi) đồng tạm ứng án phí ông Th đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0006696 ngày 08/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 16/02/2017, ông Nguyễn Vũ Tr và bà Trịnh Thị L có đơn kháng cáo đối với Bản án số 05/2017/DSST ngày 12/01/2017 của Tòa án nhân dân Quận C.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện.

Bị đơn không rút đơn kháng cáo.

Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Vũ Tr và bà Trịnh Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Vũ Tr và bà Trịnh Thị L trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét.

Về nội dung kháng cáo:

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn là ông Nguyễn Vũ Tr và bà Trịnh Thị L đều thừa nhận chữ ký trong hai hợp đồng vay tiền (số 0703/14/HĐVT ngày 03/7/2014, hợp đồng vay tiền ngày 05/7/2014, số công chứng 8385, quyển số 7, của Văn phòng công chứng BT) và hai giấy nhận tiền là của ông Tr và bà L.

Đối với hợp đồng vay tiền có công chứng số 8385 thì ông Tr, bà L khai là không ký tại Văn phòng công chứng mà ký tại địa chỉ 378 Điện Biên Phủ, phường 27, quận Bình Thạnh, không ký vay tiền của ông Nguyễn Chí Th mà ký vay tiền của ông Nguyễn T.

Xét lời trình bày của đại diện Văn phòng công chứng BT: Theo yêu cầu công chứng ngoài trụ sở, công chứng viên có mặt tại địa chỉ 378 Điện Biên Phủ, Phường MB, quận BT để chứng nhận hợp đồng vay tiền giữa bên cho vay là ông Nguyễn Chí Th và bên vay là ông Nguyễn Vũ Tr, bà Trịnh Thị L. Tại thời điểm chứng nhận hợp đồng vay nêu trên, ông Nguyễn Chí Th không có mặt, bên vay là ông Tr, bà L đề nghị được ký vào hợp đồng vay tiền ngày 03/7/2014. Ngày 05/7/2014, ông Nguyễn Chí Th đến trụ sở Văn phòng công chứng BT ký vào hợp đồng vay tiền. Sau khi các bên đã ký vào hợp đồng vay tiền, ngày 05/7/2014 công chứng viên tiến hành chứng nhận vào hợp đồng, việc giao nhận tiền được

thực hiện và ngoài sự chứng kiến của công chứng viên. Hợp đồng vay tiền trên được chứng nhận đúng quy định pháp luật.

Ông Nguyễn T cũng có lời khai trong hồ sơ thể hiện là hợp đồng vay tiền số 0703/14/HĐVT ngày 03/7/2014 là ông T ký thay cho ông Th. Số tiền 15.150.000.000đ là tiền của ông Th.

Bị đơn cho rằng chỉ ký vay tiền của ông T, không ký vay tiền của ông Th và số tiền này là tiền lãi phát sinh từ việc ông T cho bị đơn là ông Tr, bà L vay tiền trước đó. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp chứng cứ chứng minh trình bày của mình là có cơ sở. Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền, giấy nhận tiền và giấy cam kết trả nợ lập ngày 03/7/2014 là cam kết trả nợ cho ông Nguyễn Chí Th có cơ sở xác định ông Nguyễn Chí Th cho ông Tr, bà L vay số tiền 15.150.000.000 đồng, đã trả được 3.000.000.000 đồng, còn nợ lại 12.150.000.000 đồng là phù hợp.

Về tiền lãi: Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Tr và bà L phải trả cho ông Th tiền lãi tính từ ngày 05/7/2014 đến ngày 05/10/2014, mức lãi suất là 1%/tháng, số tiền là 364.500.000 đồng; từ ngày 06/10/2014 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (tính đến ngày 06/01/2017 cho tròn tháng), mức lãi suất là 0,75%/tháng, số tiền là 2.460.375.000 đồng, tổng cộng tiền lãi là 2.824.875.000 đồng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 476, khoản 5 Điều 474 của Bộ luật dân sự.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Tr và bà L phải trả cho ông Th tiền nợ gốc 12.150.000.000 (mười hai tỷ một trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi 2.824.875.000 (hai tỷ tám trăm hai mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, tổng cộng là 14.974.875.000 (mười bốn tỷ chín trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng ngay sau khi án phát sinh hiệu lực pháp luật là phù hợp.

Xét thấy cấp sơ thẩm không áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự 2015 để xác định trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là có thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

Xét trình bày của người đại diện hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm về việc bị đơn không thường xuyên có mặt nơi cư trú và việc không triệu tập vợ của ông Th tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo kết quả xác minh của Công an phường Long Bình, Quận 9 lập ngày 01/12/2015 có nội dung: Hiện ông Nguyễn Vũ Tr và bà Trịnh Thị L đang tạm trú tại nhà không số, tổ 5, khu phố Thái Bình 1, phường LB, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng không thường xuyên tại địa chỉ này. Tuy nhiên, bị đơn vẫn nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án nhân dân Quận C tổng đạt thể hiện ở việc bị đơn đến Tòa án nộp bản tự khai (lập ngày 03/3/2016 của ông Tr và bà L), nộp giấy đề nghị cung cấp bản phôtô tài liệu (lập ngày 03/3/2016 của bà L) và

nhận được Bản án sơ thẩm nên thực hiện quyền kháng cáo theo quy định. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân Quận C, bị đơn là ông Tr và bà L cung cấp địa chỉ nơi cư trú là Công viên lịch sử VHDT - Ấp Thái Bình 1, phường LB, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Quận C thụ lý xét xử vụ án là đúng thẩm quyền.

Xét văn bản thỏa thuận về tài sản giữa ông Nguyễn Chí Th và bà Đặng Thị Mỹ L lập ngày 11/4/2016 tại Văn Phòng Công chứng ĐS, số công chứng 00011405, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD có nội dung: Toàn bộ số tiền cho vay và tiền lãi phát sinh từ việc cho vay theo Hợp đồng vay tiền số 8385 do Văn phòng Công chứng BT, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 05/7/2014 là tài sản riêng của ông Nguyễn Chí Th, do ông Nguyễn Chí Th tự tạo lập, bà Đặng Thị Mỹ L không có bất cứ sự đóng góp nào đối với việc tạo lập số tiền nêu trên. Ông Nguyễn Chí Th là người được toàn quyền sở hữu, định đoạt đối với toàn bộ số tiền cho vay và tiền lãi theo hợp đồng vay tiền nêu trên theo quy định của pháp luật, bà Đặng Thị Mỹ L cam kết không có bất kỳ tranh chấp, khiếu nại nào. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải triệu tập bà Đặng Thị Mỹ L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Vì những lý do trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Vũ Tr và bà Trịnh Thị L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DSST ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận C.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là ông Nguyễn Chí Th về việc buộc ông Nguyễn Vũ Tr và bà Trịnh Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Chí Th số tiền nợ gốc 12.150.000.000 đồng và tiền lãi 2.824.875.000 đồng, tổng cộng là 14.974.875.000 (mười bốn tỷ chín trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng ngay sau khi án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Vũ Tr và bà Trịnh Thị L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 122.974.875 (một trăm hai mươi hai triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm bảy mươi lăm) đồng. Ông Nguyễn Chí Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.319.250 (sáu mươi một triệu ba trăm mười chín nghìn hai trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu tiền số 0006696 ngày 08/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Vũ Tr và bà Trịnh Thị L mỗi người phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Nguyễn Vũ Tr đã nộp theo biên lai thu tiền số AC/2014/0008831 và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Trịnh Thị L đã nộp theo biên lai thu tiền số AC/2014/0008832 cùng ngày 21/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THA DS Quận C;
- TAND Quận C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thương**

